

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: CII)

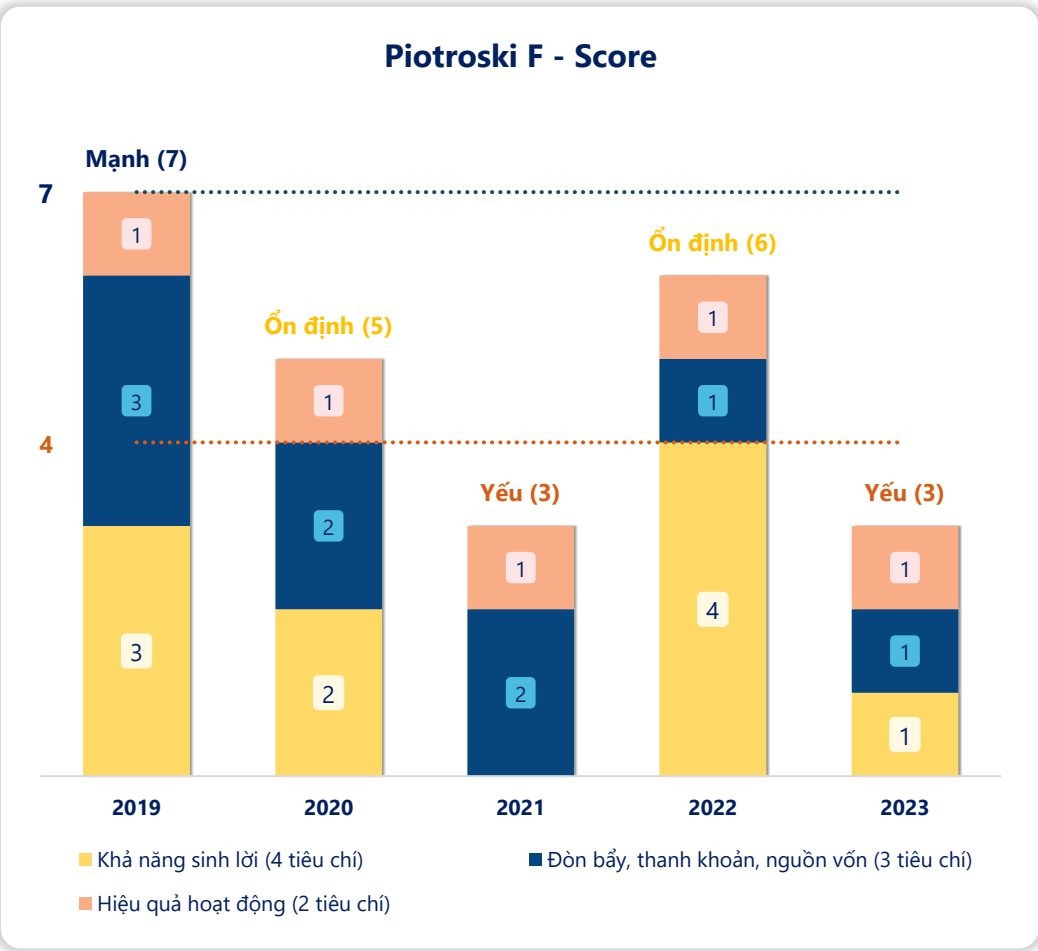
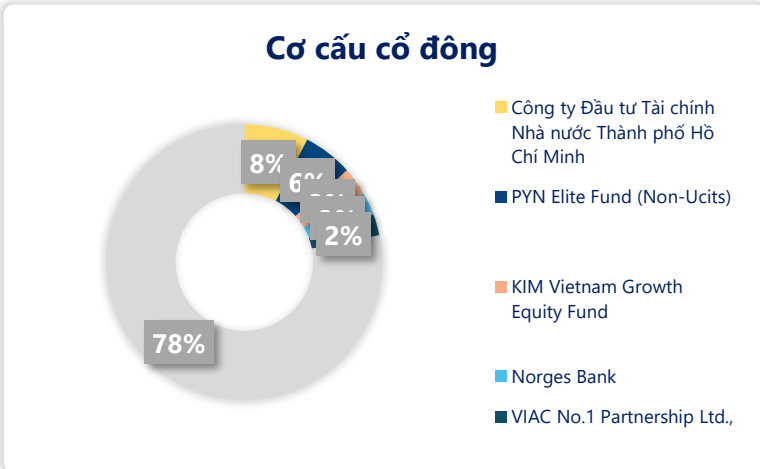
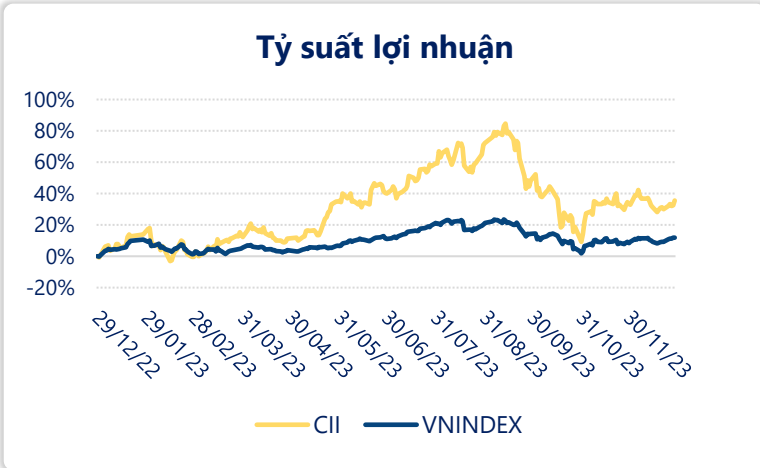
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	17,250 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.2%	0.1%	1.2%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	3/9
2023	(Yếu)

DT thuần	2023
3,090	YoY
tỷ VNĐ	▼ 2,658
	▼ 46.2%

LN sau thuế	2023
370	YoY
tỷ VNĐ	▼ 491
	▼ 57.0%

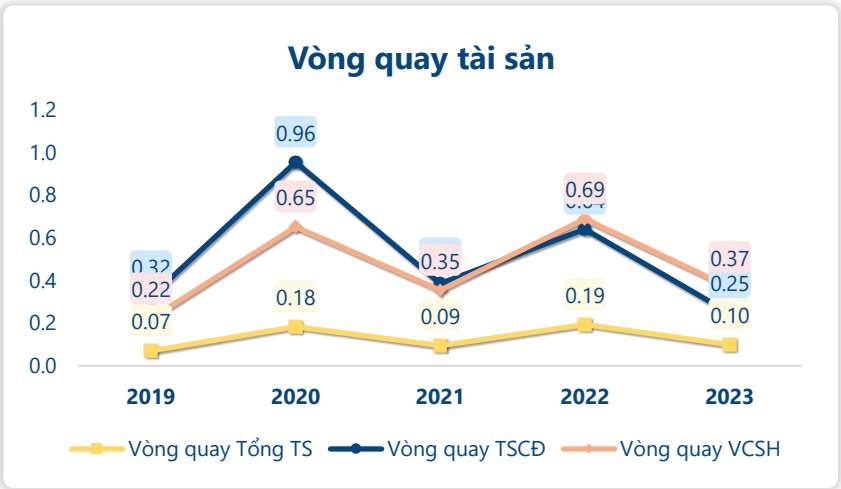
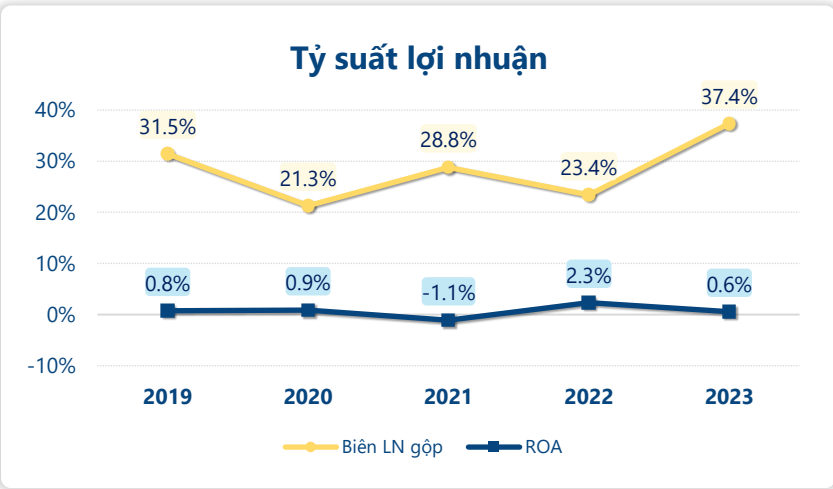
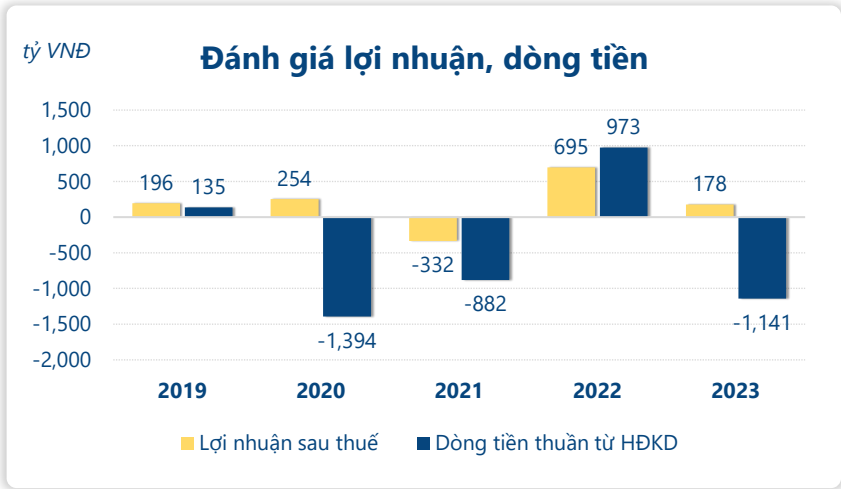


Năm 2023, F-Score của CII đạt 3/9 thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức "yếu".

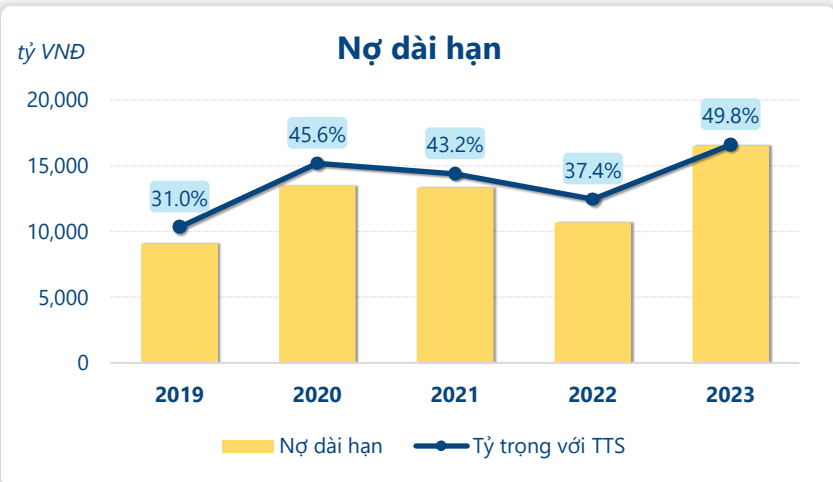
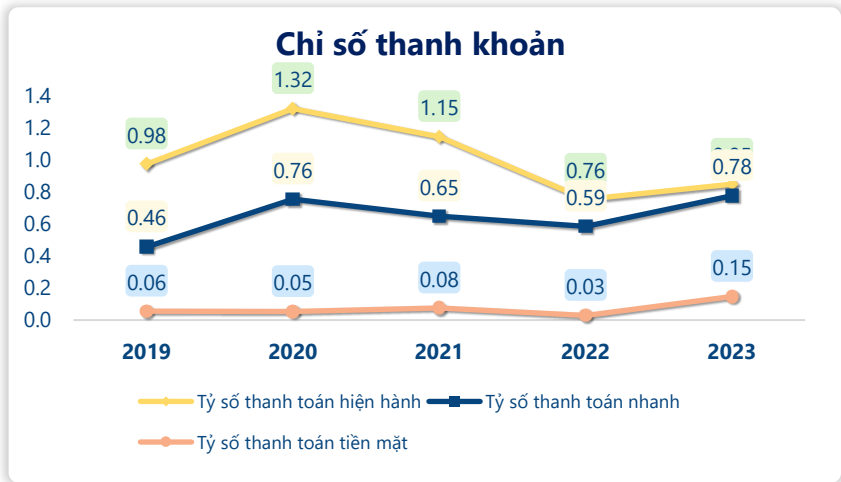
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức 1/3 điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: CII)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **CII**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	33,245	28,559	16.4%
Tài sản ngắn hạn	6,975	7,227	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	1,191	276	332%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	996	628	58.5%
Phải thu ngắn hạn	4,100	4,619	-11.2%
Hàng tồn kho	616	1,617	-61.9%
Tài sản ngắn hạn khác	72.2	86.5	-16.6%
Tài sản dài hạn	26,269	21,333	23.1%
Phải thu dài hạn	3,036	5,907	-48.6%
Tài sản cố định	16,400	8,524	92.4%
Bất động sản đầu tư	904	906	-0.3%
Tài sản dở dang	545	536	1.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,203	2,420	-50.3%
Tài sản dài hạn khác	3,379	2,169	55.8%
Lợi thế thương mại	803	871	-7.8%
Nợ phải trả	24,728	20,258	22.1%
Nợ ngắn hạn	8,192	9,570	-14.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,846	5,166	-6.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	582	474	22.9%
Nợ dài hạn	16,537	10,688	54.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	14,040	9,416	49.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,517	8,301	2.6%
Vốn chủ sở hữu	8,517	8,301	2.6%
Vốn điều lệ	3,184	2,840	12.1%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	1,813	5,374	2,860	5,748	3,090
Giá vốn hàng bán	1,243	4,229	2,036	4,404	1,935
Lợi nhuận gộp	570	1,145	824	1,344	1,155
Doanh thu HĐTC	1,157	1,362	1,070	1,522	1,525
Chi phí TC	1,138	1,215	1,416	1,359	1,660
Chi phí lãi vay	729	901	1,134	1,119	1,314
LN trong công ty LKLD	24.5	3.93	5.53	75.8	-20.4
Chi phí bán hàng	40.2	157	62.9	76.9	79.9
Chi phí QLDN	542	533	494	462	468
LN thuần từ HĐKD	30.8	606	-74.5	1,044	451
Lợi nhuận khác	492	16.3	-31.3	-2.64	-23.9
LN trước thuế	523	622	-106	1,041	427
Lợi nhuận sau thuế	522	472	-242	861	370
LNST của CĐ cty mẹ	196	254	-332	695	178

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	135	-1,394	-882	973	-1,141
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,046	-720	737	-22.3	374
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,064	1,916	395	-1,364	1,691
Tiền đầu kỳ	483	637	439	689	276
Lưu chuyển tiền thuần	153	-198	250	-413	925
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	637	439	689	276	1,201